

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày 28-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 28-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trương Chí L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Chí L là ông Lê Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền số chứng thực 574 quyển số 01 (1) – SCT/CK,ĐC ngày 23-11-2020, có mặt).

2. Bị đơn: anh Trịnh Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày: nguyên trước đây anh L có nhờ anh T hàn, gắn cho anh L một chiếc xe gắn bằng động cơ nổ để anh L điều khiển do 02 chân của anh L bị bại liệt, đi đứng không được. Vào ngày 20-9-2019, anh L và anh T thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế thỏa thuận nội dung: xe ba bánh người khuyết tật làm theo bản vẽ của anh L đưa ra, bằng động cơ nổ, bánh xe loại nhỏ ô tô, thắng dầu, màu sơn trắng, hoàn thiện đẹp, thời gian giao hàng là vào ngày 25-11-2019 nếu không giao đúng là của 01 đèn 02, về hàn khung xe bằng sắt anh T chịu, riêng động cơ nổ anh L chịu mua riêng để đưa cho anh T lắp ráp. Anh L đã cho anh T ứng trước số tiền 12.000.000đồng. Sau đó, anh L đã giao toàn bộ đầu máy động cơ nổ chi phí mua là 12.000.000đồng.

Đến ngày giao xe theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh L không thấy anh T bàn giao xe, anh L điện thoại cho anh T thì anh T trả lời chưa xong, đến khi nào xong hoạt động an toàn anh T sẽ giao, vì chỗ thân quen với nhau nên anh L tin tưởng chờ đợi. Mãi đến tối ngày 30-01-2020, anh L được biết anh T điều khiển chiếc xe lắp ráp trên đã bị Công an huyện Tân Hồng bắt giữ sau đó Công an mời anh L và anh T đến để giải quyết, tại đây anh L yêu cầu anh T trả lại cho anh L tiền tạm ứng trước là 12.000.000đồng, tiền mua động cơ nổ là 12.000.000đồng, tổng cộng là 24.000.000đồng nhưng anh T không đồng ý. Từ đó anh L thấy anh T đã vi phạm hợp đồng ký ngày 20-9-2019. Nay anh L yêu cầu anh T trả 24.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo lời trình bày của anh Trịnh Văn T: thừa nhận vào năm 2019 anh L có giao cho anh T về việc lắp ráp xe dành cho người khuyết tật theo bản vẽ của anh L đưa ra. Nên vào ngày 20-9-2019, anh L và anh T thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế như anh L trình bày, tuy trong hợp đồng không có ghi nhưng các bên thỏa thuận tiền công mà anh L có nghĩa vụ trả cho anh T là 400.000đồng/01 ngày. Trong thời gian lắp ráp xe thì anh T có ứng trước của anh L 12.000.000đồng và anh L cũng đã mua động cơ nổ có giá trị là 12.000.000đồng để gắn vào xe, tổng chi phí anh L đã tạm ứng là 24.000.000đồng, còn tất cả các vật, trang thiết bị phát sinh thêm thì anh T tạm ứng trước sau khi hoàn thành xe sẽ tính chung với tiền công, anh L hoàn trả lại.

Anh T hoàn thành việc lắp ráp xe theo bản vẽ của anh L, vào ngày 20-11-2019 anh T giao xe cho anh L (trước thời hạn trong hợp đồng) chạy thử thì anh L báo trục trặc hợp số, kêu anh T về sửa lại, sau khi sửa xong anh T đem giao cho

anh L nhưng anh L bảo gắn thêm các phụ tùng như kính chắn gió, ghế, ... anh T đồng ý và đem về gắn thêm theo yêu cầu của anh L. Vào ngày 30-01-2020, anh T chạy thử xe trên tuyến đường Nguyễn Huệ thuộc khóm 3 thị trấn SaRài thì bị Công an giao thông huyện Tân Hồng bắt giữ, lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ xe theo quy định. Công an huyện Tân Hồng ban hành Quyết định xử phạt hành chính 900.000đồng đối với anh T còn chiếc xe thì bị tịch thu. Công an có mời anh T và anh L đến, lúc này anh L yêu cầu anh T bồi thường 24.000.000đồng mà anh L đã bỏ ra tạm ứng, anh T không đồng ý.

Sau khi cơ quan bán đấu giá thì anh T đứng ra mua lại chiếc xe từ Hộ kinh doanh Trần Văn Hòa với số tiền là 15.000.000đồng mục đích là đem về sửa chữa lại để bàn giao cho anh L như đã thỏa thuận trong hợp đồng nhưng anh L cũng không chịu nhận mà khởi kiện đến Tòa án.

Nay anh T phản tố yêu cầu anh L phải trả lại tổng số tiền 72.040.000đồng, không yêu cầu tính lãi gồm các khoản như sau: chi phí anh T bỏ ra để lắp ráp xe 47.040.000đồng (trong đó gồm có: 22.640.000đồng anh T bỏ ra và tiền công là 24.400.000đồng); tiền mua lại chiếc xe 15.000.000đồng; tiền mua động cơ điện 10.000.000đồng (vì lúc đầu thỏa thuận là lắp ráp động cơ điện, sau khi mua về lắp ráp xong nhưng anh L không đồng ý mà yêu cầu thay thế bằng động cơ nổ, anh L đồng ý sẽ trả lại 10.000.000đồng đã mua động cơ điện).

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: xét thấy, việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giao kết hợp đồng có nội dung vi phạm điều cấm của luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng vô hiệu. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Còn yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại khóm 1, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 24.000.000đồng còn bị đơn yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả 72.040.000đồng là số tiền nguyên đơn và bị đơn cho rằng đã bỏ ra để gia công hàn, lắp ráp xe tự chế loại xe 03 bánh nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là tranh chấp hợp đồng gia công theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại 24.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi còn bị đơn yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả 72.040.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào hợp đồng kinh tế đề ngày 20-9-2019 mà anh L và anh T ký kết thì thể hiện bên đặt gia công là anh Trương Chí L, bên nhận gia công là anh Trịnh Văn T. Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là anh T có nghĩa vụ lắp ráp xe ba bánh (dành cho người khuyết tật) làm theo bản vẽ của anh L đưa ra, bằng động cơ nổ, bánh xe loại nhỏ ô tô, thắng dầu, màu sơn trắng, hoàn thiện đẹp anh L có nghĩa vụ trả tiền công cho anh T mỗi ngày là 400.000đồng (thỏa thuận trả tiền công bằng miệng không có ghi trong hợp đồng). Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nhưng nội dung thỏa thuận của anh L và anh T là vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự, bởi lẽ việc lắp ráp xe ba bánh, gắn động cơ nổ không có giấy phép theo quy định là vi phạm hành chính được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30-12-2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Việc nguyên đơn và bị đơn đều biết việc tự ý lắp ráp xe bằng động cơ nổ là pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, “Hợp đồng kinh tế” đề ngày 20-9-2019 giữa anh L và anh T bị vô hiệu kể từ thời điểm giao kết là phù hợp theo quy định tại các điều 116, 117, 122, 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu tại khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...”*,

qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều thừa nhận là nguyên đơn đã giao cho bị đơn 12.000.000đồng cùng với một động cơ nổ có giá trị là 12.000.000đồng, tổng cộng là 24.000.000đồng còn bị đơn cho rằng đã bỏ ra 22.640.000đồng để mua vật, trang thiết bị lắp ráp xe; tiền công là 24.400.000đồng, tổng cộng 47.040.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung giao dịch là vi phạm điều cấm nguyên đơn và bị đơn biết nhưng vẫn cố ý thực hiện do đó xét nguyên đơn và bị đơn đều có lỗi nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn theo tỷ lệ 8:2 tức nguyên đơn được nhận lại 8 phần thành tiền là 19.200.000đồng còn bị đơn được nhận lại 2 phần thành tiền 9.408.000đồng.

Đối với 10.000.000đồng do lắp ráp động cơ điện là thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng tại phiên tòa nguyên đơn không thừa nhận và số tiền 15.000.000đồng mua lại chiếc xe từ hộ kinh doanh Trần Văn Hòa mà bị đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn không có chứng cứ chứng minh đối với số tiền 10.000.000đồng còn số tiền 15.000.000đồng thì do bị đơn vi phạm hành chính, biện pháp tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm hành chính là một trong những hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với người vi phạm phải chịu biện pháp chế tài theo quy định pháp luật. Do đó, việc bị đơn yêu cầu là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét không chấp nhận.

Như vậy, sau khi khấu trừ quyền và nghĩa vụ giữa nguyên đơn, bị đơn thì bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 9.792.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

- Buộc anh Nguyễn Chí L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận. Nhưng anh L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người khuyết tật.

- Buộc anh Trịnh Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm gồm: đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và án phí đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: về thỏa thuận giao kết hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là vi phạm điều cấm của luật nên hợp

đồng kinh tế đề ngày 20-9-2019 vô hiệu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn thì ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy về hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu là cũng có lỗi của nguyên đơn Nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 122, 123, 131, 407 và 542 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] - Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Sau khi khấu trừ quyền và nghĩa vụ giữa nguyên đơn, bị đơn: Buộc anh Trịnh Văn T (bị đơn) có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chí L (nguyên đơn) 9.792.000đồng (chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trịnh Văn T phải nộp 4.091.600đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: BI/2019: 0018609 ngày 24-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, anh Trịnh Văn T còn phải nộp 2.290.600đồng.

- Anh Nguyễn Chí L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-9-2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư